

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HS-ST
Ngày 31 - 7 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thời (Giáo viên)

Bà Lê Thanh Trang

Ông Cao Văn Viết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự thụ lý số: 08/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2173/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Võ Minh K, sinh ngày 01/5/2003, tại tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Nghề nghiệp: không. Trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Hiền E, sinh năm 1973 bà Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1971; có 01 người chị sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không. Ngày 24/5/2021, bị Công an huyện B ra Quyết định số 03/QĐ-XPHC xử phạt số tiền 375.000 đồng về hành vi đánh nhau, đã chấp hành xong. Ngày 06/8/2022, có hành vi giết người nên bị khởi tố điều tra; bị bắt tạm giam từ ngày 06/10/2022 cho đến nay; (Bị cáo có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Võ Minh K: Ông Lê Thanh H1 – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh B; (có mặt).

2. Phạm Khánh T (**tên gọi khác: B**), sinh ngày 30/4/2005, tại tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú: Ấp B Cầu S, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre. Nghề nghiệp: nuôi tôm; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C, sinh năm 1978 và bà Ngô Thị T1, sinh

năm 1979; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 03/12/2021, bị Công an xã B, huyện B ra Quyết định số 66/QĐ-XPHC xử phạt số tiền 375.000 đồng về hành vi tụ tập gây mất trật tự công cộng, đã chấp hành xong quyết định. Ngày 03/6/2022, bị Công an huyện B ra Quyết định số 11/QĐ-XPHC xử phạt số tiền 3.250.000 đồng về hành vi gây rối trật tự công cộng, nộp xong tiền phạt vào ngày 08/8/2022, chưa hết thời hạn được xem là chưa bị xử phạt hành chính nên được xem là có 01 tiền sự. Ngày 06/8/2022, cùng đồng phạm về hành vi giết người nên bị khởi tố điều tra; bị bắt tạm giam từ ngày 29/3/2023 cho đến nay; (Bị cáo có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo* Phạm Khánh T: Ông Lữ Văn T2 - Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh B; (có mặt).

3. Đoàn Minh T3, sinh ngày 10/8/1998, tại tỉnh Tiền Giang. Đăng ký thường trú: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang; nơi ở hiện nay: Ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre. Nghề nghiệp: tài xế. Trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn H2, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1958; có 01 người anh sinh năm 1984; tiền án, tiền sự: Không. Ngày 18/5/2020, bị Công an xã P, huyện B ra Quyết định số 24/QĐ-XPHC, xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, chưa nộp tiền phạt, đã hết thời hiệu thi hành và được xem là chưa bị xử phạt hành chính. Ngày 06/8/2022, cùng đồng phạm về hành vi giết người nên bị khởi tố điều tra; bị bắt tạm giam từ ngày 29/3/2023 cho đến nay; (Bị cáo có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo* Đoàn Minh T3: Bà Lê Thị Yến N - Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh B; (có mặt).

4. Nguyễn Hồng T4, sinh ngày 15/5/1999, tại tỉnh Bến tre. Nơi cư trú: Ấp R, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre. Nghề nghiệp: Nuôi tôm; Trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1979 và bà Phạm Thị Ngọc Đ, sinh năm 1971; có 01 người em sinh năm 2005; tiền án: Không, tiền sự: Ngày 23/3/2018, bị Công an huyện B ra Quyết định số 167/QĐ-XPHC, xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, đã chấp hành xong. Ngày 30/8/2021, bị Công an xã P, huyện B ra Quyết định số 60/QĐ-XPHC, xử phạt số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nộp tiền phạt ngày 10/9/2021, chưa hết thời hạn được xem là chưa bị xử phạt hành chính nên được xem là có 01 tiền sự. Ngày 06/8/2022, cùng đồng phạm về hành vi giết người nên bị khởi tố điều tra; bị bắt tạm giam từ ngày 29/3/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Hồng T4: Bà Trần Thị Cẩm T5 - Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh B; (có mặt).

- *Bị hại*: Phạm Minh T6, sinh năm 2004. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp D B, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; (có mặt).

2. Ngô Thị T1, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp B Cầu S, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre; (có mặt). Bà T1 đồng thời là người giám hộ cho bị cáo T.

3. Phạm Thị Ngọc D, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre; (có mặt).

4. Nguyễn Thị P, sinh năm 1958. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre; (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 2002. Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; (vắng mặt).

2. Phạm Thanh P1, sinh năm 2002. Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 06/08/2022, Phạm Khánh T trong lúc đi ăn tại thị trấn B thì xảy ra mâu thuẫn dẫn đến xô xát với nhóm thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ), được mọi người can ngăn nên T đến quán A để uống bia, sau đó T nhận được thông tin nhóm thanh niên trên tìm đến nhà đập phá nên T điện thoại kêu Võ Minh K đến để đánh nhau với nhóm thanh niên, K đồng ý và rủ thêm Nguyễn Hồng T4 và Đoàn Minh T3, tất cả đồng ý cùng đi đến nhà T ở Á Cầu S, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre. Khi đến nhà Trường, K lấy 02 cây rựa dài khoảng 01 mét, cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại có một bề sắc, cùng T3 và T4 đi tìm T. Triền điều khiển xe mô tô biển số 63B8- 6382 chở K ngồi giữa cầm 02 cây rựa, T4 ngồi phía sau. Đến khoảng 23 giờ 45 phút cùng ngày, T đang điều khiển xe gắn máy biển số 71FK-5821 lưu thông trên Quốc lộ E để tìm những người đập nhà mình thì thấy Phạm Minh T6 điều khiển xe mô tô biển số 71F7-8680 với tốc độ cao đi trên Quốc lộ E hướng từ vòng xoay C về thị trấn B, T nghi ngờ T6 là người của nhóm thanh niên nên điều khiển xe đuổi theo T6. Khi T rượt đuổi T6 đến lộ T thuộc xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre thì gặp T3 chở K và T4 đang đi ngược chiều, T chỉ tay về phía T6 và nói “Nó đó, nó đó, chém chết mẹ nó đi”, để thông báo cho T3, K, T4 biết. K kêu T3 quay xe lại cùng với T rượt đuổi theo T6. Khi T6 chạy đến khu vực đèn xanh, đèn đỏ trước shop “Mẹ và B1” thuộc ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre thì tự té vào vũng nước phía bên phải đường Quốc lộ 57B, xe của T3, K, T4 chạy vượt qua xe của T6. Lúc này, xe của T đang chạy tới, T6 đi đến và nói với T “không phải em”, T xông tới dùng tay, chân đánh liên tục vào người làm T6 té ngã xuống lề cỏ. T3 điều khiển xe chở K và T4 quay lại đến chỗ T6, K cầm 01 cây rựa liền xông đến chém liên tiếp 06 cái vào đầu T6 rồi lùi lại, sau đó tiếp tục cầm rựa chém vào đầu T6 01 cái nữa rồi đi ra lộ chém mạnh xuống mặt đường làm gãy cây rựa và ném bỏ, T3 thấy vậy nên nhặt một

đoạn cán gậy ném về phía T6 rồi xông đến dùng chân đạp vào người T6 01 cái và đi ra xe, T4 đứng nhìn, không có can ngăn. Khi chém T6 xong, K cùng với T. Tri, T4 đi ra chỗ đậu xe, T4 chở T3, T chở K đi về hướng vòng xoay B thì gặp nhóm bạn gồm Lê Minh T7, Nguyễn Văn Q, Võ Thành Quốc L, Trần Chí T8 và nhiều người khác nên tiếp tục quay lại hiện trường. Sau khi bị chém, T8 đi ra lộ thì gặp anh Nguyễn Văn Đ1 và Phạm Thanh P1, là người đi đường ngang qua nên nhờ chở T8 đi cấp cứu. Khi anh Đ1 và P1 đang nói chuyện với T8 thì nhóm của K quay lại tiếp tục đuổi đánh, thấy vậy T8 cùng anh P1 và Đ1 bỏ chạy, do tìm không gặp T8 nên K cùng cả nhóm đi về, đến khu vực cầu S số 1 ở Ấp B Cầu S, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre thì ném bỏ cây rựa xuống cầu, cả nhóm giải tán về nhà; T8 được người thân đưa đi cấp cứu và trình báo sự việc đến Công an xã B, huyện B.

Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ trong quá trình khám nghiệm hiện trường: 01 đoạn gỗ có chiều dài 39,5cm, đường kính 2,5cm, đoạn gỗ hình trụ tròn, một đầu đoạn gỗ bị gãy, trên đoạn gỗ có số 110; 01 mũ bảo hiểm bên ngoài bằng nhựa màu đen, bề mặt nhiều mảnh, trên mũ có vết màu nâu đỏ nghi máu đã khô, bên trong là miếng xốp lót màu trắng, bị đứt vỡ rời một phần với kích thước 20 x 08cm.

- Tạm giữ của Phạm Khánh T: 01 xe gắn máy biển số 71FK-5821, màu xanh, nhãn hiệu SAVANT, số loại C50, loại xe nữ, dung tích 49cm, số máy FMB- 170000489, số khung UM6XV-00489, không gương chiếu hậu, xe bị hư hỏng trầy xước nhiều chỗ.

- Tạm giữ của Võ Minh K: 01 xe gắn máy biển số 60FP-2060, màu đen xám, nhãn hiệu WAYEC, số loại C50, loại xe nữ, dung tích 49cm, số máy HA139FMB103626, số khung CB7UM91103626, không gương chiếu hậu, xe bị hư hỏng trầy xước nhiều chỗ; 01 điện thoại di động hiệu VIVO Y21, kiểu máy V2111, màu xanh dương, đã cũ, số seri 3437908328004XD, không có gắn sim, điện thoại được niêm phong; 01 áo sơ mi tay dài bằng vải màu trắng, phía trước bên trái áo có 02 đường sọc màu đen chạy dọc từ vai áo đến tà áo, phía trong cổ áo có hiệu “TH-77 NEW FASHION”; 01 quần dài bằng vải màu đen, phía sau quần có 02 túi quần có nút màu vàng nhạt.

- Tạm giữ của Phạm Minh T6: 01 xe mô tô biển kiểm soát 71F7-8680, màu nâu, nhãn hiệu JINHAO, loại xe nữ, dung tích 97cm, số máy 150FMG-01832899, số khung PCG0021B-001399, không gương chiếu hậu, xe bị hư hỏng trầy xước nhiều chỗ. Tạm giữ của Lê Minh T7: 01 điện thoại di động hiệu VIVO V2026, màu xanh kem, đã cũ, số IMEI SV: 24, trên máy có lắp sim số 0382.454.973, điện thoại được niêm phong.

- Tạm giữ của Đoàn Minh T3: 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG A21s, màu xanh, đã qua sử dụng, số máy: SM-A217F/DS, số seri: R58N53HCLNT, số IMEI: 351662611350085, số IMEI2: 352465211350086, trên máy có lắp sim số 0924571993 và số 0563576570, điện thoại được niêm

phong; 01 quần jean ngắn màu xám đen, lưng quần phía sau bên phải có may miếng vải kaki màu trắng có chữ.

- Tạm giữ của Phạm Hồng T9: 01 mũ bảo hiểm màu đen xám, nón có 3 khía hở dọc theo nón từ trước ra sau màu đen - xám - trắng (dạng rần ri); 01 áo thun tay ngắn màu đen, hai tay áo sọc ca rô màu vàng - trắng - đen - đỏ; 01 áo sơ mi tay ngắn tinh bằng vải màu đỏ - đen, dạng sọc ca rô, trên ngực áo bên trái có hình thêu con ngựa màu minh vàng - đen và số 1856 màu vàng; 01 quần jean ngắn màu xám - đen, ống quần phía trước được thiết kế có nhiều chỗ rách, lưng quần phía trong có hiệu TS FASHION.

Thu giữ dữ liệu điện tử camera của chốt đèn đặt tại nút giao giữa Quốc lộ E và tuyến đường B thuộc ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre, do Công an xã B quản lý gồm: 02 đĩa DVD nhãn hiệu MAXELL MQ, loại DVD-R, 1-16x speed, được niêm phong, có chứa 06 file video gồm:

+01 đĩa DVD, được niêm phong ngày 04/5/2023 chứa các file:

-File thứ nhất “NVR_ch12 main_20220806234500_20220807000000.mp4” dung lượng 220 MB, thời gian từ 23 giờ 44 phút 59 giây ngày 06/8/2022 đến 23 giờ 59 phút 59 giây ngày 06/8/2022.

-File thứ hai “NVR_ch12 main_20220807000000_20220807001012.mp4” dung lượng 149 MB, thời gian từ 23 giờ 59 phút 59 giây ngày 06/8/2022 đến 00 giờ 10 phút 12 giây ngày 07/8/2022.

- File thứ ba “NVR_ch13_main_20220806234500_20220807000000.mp4” dung lượng 175 MB, thời gian từ 23 giờ 45 phút 00 giây ngày 06/8/2022 đến 23 giờ 58 phút 33 giây ngày 06/8/2022. File thứ tư tên “NVR_ch13_main_20220807000000_20220807001012.mp4” dung lượng 125 MB, thời gian từ 23 giờ 59 phút 59 giây ngày 06/8/2022 đến 00 giờ 09 phút 21 giây ngày 07/8/2022.

- File thứ năm “NVR_ch17 main_20220806222000_20220806230008.mp4” dung lượng 514 MB, thời gian từ 22 giờ 20 phút 05 giây ngày 06/8/2022 đến 22 giờ 57 phút 57 giây ngày 06/8/2022.

+ 01 đĩa DVD, được niêm phong ngày 13/02/2023 chứa file: file thứ sáu tên “NVR_ch17_main_20220806230008_20220807000001.mp4” dung lượng 878 MB, thời gian từ 23 giờ 00 phút 07 giây ngày 06/8/2022 đến 23 giờ 59 phút 57 giây ngày 06/8/2022.

+ 01 đĩa DVD nhãn hiệu DVD - R (4.7GB16X) hiệu GUANGZHOU, có chứa 05 file video là dữ liệu camera tại hiện trường, được sao chép từ đĩa DVD nhãn hiệu MAXELL MQ, loại DVD-R, 1-16x speed, niêm phong ngày 04/5/2023.

Quá trình điều tra xác định hiện trường xảy ra vụ án tại khu vực đèn xanh, đèn đỏ trước shop “Mẹ và Bé” Quốc lộ E thuộc ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre, hướng Đông và hướng Tây tiếp giáp Quốc lộ E, khu vực trong lề trái, theo hướng vòng xoay B đi ngã ba C, có vệt dầu vết mà nâu đỏ nghi máu, kích

thước 0,5m x 0,4m, trong vùng vết màu nâu nghi máu có nón bảo hiểm màu đen bị bể nhiều mảnh, trên nón bảo hiểm có nhiều vết màu nâu đỏ nghi máu, cách lề trái 3,2m.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 261-822/TgT ngày 08/9/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận thương tích của Phạm Minh T6 như sau: 03 vết thương thái dương và đỉnh trái 06cm x 01cm, 04cm x 01cm và 03cm x 01cm kèm lõm sọ đỉnh chằm trái, sưng nề đỉnh trái 04cm x 04cm, hiện vết thương lành sẹo kích thước 06cm x 0,3cm; 07cm x 0,3cm; 09cm x 0,3cm. Lõm sọ đỉnh chằm trái. Gãy lún sọ thái dương đỉnh trái. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 20%. Vật tày và vật sắc nhọn có thể gây ra thương tích trên cơ thể của Phạm Minh T6.

Các vết thương trên cơ thể Phạm Minh T6 nếu không được cấp cứu, điều trị kịp thời có thể dẫn đến tử vong.

Tại Bản Kết luận giám định về dữ liệu điện tử số 140/2023/KL-KTHS ngày 30/4/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận:

1. Nội dung hình ảnh trong 05 tập tin video gửi giám định ký hiệu A1, A2 A3, A4 và A5 không phát hiện thấy dấu vết bị cắt ghép, chỉnh sửa.

2. Đặc điểm, động tác của từng người trong tập tin video gửi giám định ký hiệu A1 theo hiển thị trên khung hình từ 2022-08-06 23:50:23 đến 2022-08-06 23:51:25 và động tác của 04 người đi trên 02 xe mô tô 02 bánh trong 02 tập tin video ký hiệu A1 và A3 theo hiển thị trên khung hình từ 2022-08-06 23:52:56 đến 2022-08-06 23:53:44, nội dung được mô tả trong bản ảnh và hình ảnh trích xuất từ tập tin video ký hiệu A1 và A3 kèm theo kết luận này.

3. Đặc điểm, động tác của từng người và hung khí mang theo trong 02 tập tin video gửi giám định ký hiệu A1 và A2 theo hiển thị trên khung hình từ 2022-08-06 23:59:05 đến 2022-08-07 00:00:05, nội dung được mô tả trong bản ảnh và hình ảnh trích xuất từ tập tin video ký hiệu A1 và A2 kèm theo kết luận này.

Quá trình điều tra, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp lời khai bị hại, người làm chứng, kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập; bị hại Phạm Minh T6 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 183.926.257 đồng, các bị cáo đồng ý bồi thường, trong đó bị cáo K đã bồi thường số tiền 10.400.000 đồng, bị cáo T đã bồi thường số tiền 24.000.000 đồng, bị cáo T3 đã bồi thường số tiền 41.731.565 đồng; bị cáo T9 đã bồi thường số tiền 41.731.565 đồng; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã trả xe gắn máy biển số 60FP-2060 cho Nguyễn Minh T10; trả xe mô tô biển số 71F7-8680 cho Phạm Văn T11; đối với xe mô tô biển số 63B8-6382 do T12 đã bán cho một người không xác định được địa chỉ nên không thu giữ được; tiếp tục tạm giữ các vật chứng còn lại có đặc điểm như đã nêu để đảm bảo quá trình xét xử và thi hành án.

Sau khi gây thương tích cho bị hại T6 xong, các bị can cùng với Lê Minh T7, Nguyễn Văn Q, Võ Thành Quốc L, Trần Chí T8 và nhiều người khác tiếp

tục quay lại hiện trường, do không có hứa hẹn trước và không cùng với các bị can đánh bị hại T8 nên không đồng phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã chuyển hồ sơ đến Công an huyện B xử phạt hành chính.

Tại Bản cáo trạng số: 41/CT-VKSBT-P1 ngày 15/6/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố các bị cáo Võ Minh K, Phạm Khánh T, Đoàn Minh T3 và Nguyễn Hồng T4 về “Tội giết người” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Võ Minh K, Phạm Khánh T, Đoàn Minh T3 và Nguyễn Hồng T4 khai nhận hành vi phạm tội phù hợp nội dung bản cáo trạng và các chứng cứ đã thu thập.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo Võ Minh K, Phạm Khánh T, Đoàn Minh T3 và Nguyễn Hồng T4. Sau khi phân tích các tình tiết về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết về nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Võ Minh K, Phạm Khánh T, Đoàn Minh T3 và Nguyễn Hồng T4 phạm “Tội giết người”.

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, Điều 57, Điều 58, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Võ Minh K mức án từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 06/10/2022.

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, Điều 57, Điều 58, Điều 54, Điều 38, Điều 101, Điều 102 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Khánh T mức án từ 03 năm đến 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 29/3/2023.

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, điều 57, Điều 58, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Đoàn Minh T3 mức án từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 29/3/2023.

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, Điều 57, Điều 58, Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng T4 mức án từ 05 năm đến 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 29/3/2023.

- Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại Phạm Minh T6 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 183.926.257 đồng, (gồm các khoản: chi phí điều trị 18.726.257 đồng; tiền xe đi lại 2.900.000 đồng; tiền bồi thường phục hồi sức khỏe 39 ngày là 7.800.000 đồng; ngày công lao động 08 tháng là 80.000.000 đồng; tổn thất tinh thần 74.500.000 đồng), khấu trừ số tiền do bị cáo K và bị cáo T sửa chữa xe và điện thoại của bị hại là 17.000.000 đồng. Số tiền còn lại mà bị hại T6 yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường là

166.926.257 đồng. Các bị cáo đồng ý bồi thường và chia đều mỗi bị cáo bồi thường số tiền 41.731.565 đồng.

Bị cáo T, bị cáo T3, bị cáo T4 mỗi bị cáo đã bồi thường xong số tiền 41.731.565 đồng.

Bị cáo khánh đã bồi thường số tiền 10.000.000 đồng.

Bị hại T6 yêu cầu bị cáo K tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 31.731.565 đồng; bị hại không yêu cầu bị cáo T, T3, T4 bồi thường tiếp.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

*Tịch thu tiêu hủy: (do không còn giá trị sử dụng).

- 01 (một) đoạn gỗ có chiều dài 39,5cm, đường kính 2,5cm, đoạn gỗ hình trụ tròn, một đầu đoạn gỗ bị gãy, trên đoạn gỗ có số 110, thu trong quá trình khám nghiệm hiện trường;

- 01 (một) mũ bảo hiểm bên ngoài bằng nhựa màu đen, bề thành nhiều mảnh, trên mũ có vết màu nâu đỏ nghi máu đã khô, bên trong là miếng xốp lót màu trắng, bị đứt vỡ rời một phần với kích thước 20x08cm, thu trong quá trình khám nghiệm hiện trường, mũ bảo hiểm được niêm phong;

- 01 (một) mũ bảo hiểm màu đen xám, nón có 3 khía hờ dọc theo nón là trước ra sau màu đen - xám - trắng (dạng rần ri) do Phạm Hồng T9 giao nộp ngày 15/3/2023;

- 01 (một) áo thun tay ngắn màu đen, hai tay áo sọc carô màu vàng - trắng - đen đỏ do Phạm Hồng T9 giao nộp ngày 15/3/2023.

- 01 (một) áo sơ mi tay ngắn bằng vải màu đỏ - đen, dạng sọc carô, trên ngựcáo bên trái có hình thêu con ngựa màu vàng - đen và số 1856 màu vàng do Phạm Hồng T9 giao nộp ngày 15/3/2023.

- 01 quần jean ngắn màu xám đen, ống quần phía trước được thiết kế có nhiều chỗ rách, lưng quần phía trong có hiệu TS FASHION do Phạm Hồng T9 giao nộp ngày 15/3/2023.

- 01 (một) áo sơ mi tay dài bằng vải màu trắng, phía trước bên trái áo có 02 đường sọc màu đen chạy dọc từ vai áo đến tà áo, phía trong cổ áo có hiệu “TH-77 NEW FASHION”, do bà Nguyễn Thị Bé H giao nộp vào ngày 23/3/2023.

- 01 (một) quần dài bằng vải màu đen, phía sau quần có 02 túi quần có nút màuvàng nhạt, do bà Nguyễn Thị Bé H giao nộp vào ngày 23/3/2023.

- 01 (một) quần jean ngắn màu xám đen, lưng quần phía sau bên phải có may miếng vải kaki màu trắng có chữ do Đoàn Minh T3 giao nộp ngày 24/3/2023.

* Tịch thu sung quỹ Nhà nước: (do là phương tiện phạm tội).

- 01 (một) xe gắn máy biển kiểm soát 71FK-5821, màu xanh, nhãn hiệu SAVANT, số loại C50, loại xe nữ, dung tích 49 cm, số máy FMB-70000489, số khung UM6XV-00489, không gương chiếu hậu, xe bị hư hỏng trầy xước nhiều chỗ, không có tài sản gì bên trong xe, xe tạm giữ của Phạm Khánh T;

-01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO Y21, kiểu máy V2111, màu xanh dương, đã cũ, số seri 3437908328004XD, không có gắn sim, do bà Nguyễn Thị Bé H giao nộp vào ngày 16/12/2022, điện thoại được niêm phong;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO V2026, màu xanh kem, đã cũ, số IMEI SV: 24, trên máy có lắp sim số 0382.454.973, do Lê Minh T7 giao nộp vào ngày 22/12/2022, điện thoại được niêm phong;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG A21s, màu xanh, đã qua sử dụng, số kiểu máy: SM- A217F/DS, số seri: R58N53HCLNT, số IMEI khe 1: 351662611350085, số IMEI khe 2: 352465211350086, trên máy có lắp sim số 0924571993 và số 0563576570, do Đoàn Minh T3 giao nộp vào ngày 28/12/2022, điện thoại được niêm phong.

(Hiện nay các vật chứng trên do Cục thi hành án tỉnh Bến Tre quản lý).

* Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã trả xe gắn máy biển số 60FP-2060 cho Nguyễn Minh T10; trả xe mô tô biển số 71F7-8680 cho Phạm Văn T11.

Đối với xe mô tô biển số 63B8-6382 do T3 đã bán cho một người không xác định được địa chỉ không thu giữ được nên không xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Minh K trình bày quan điểm:

Về tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Võ Minh K là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo K có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại; bị cáo học vắn thấp, nhận thức hạn chế; bị hại có xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; hậu quả chết người chưa xảy ra nên thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt; đủ điều kiện áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt dưới khung hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo K dưới mức mà Viện kiểm sát đề nghị.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận các bị cáo thỏa thuận bồi thường cho bị hại.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Khánh T trình bày quan điểm:

Về tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Phạm Khánh T là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Lỗi của các bị cáo là cố ý mặc dù hậu quả chết người chưa xảy ra. Thống nhất về điều luật áp dụng đối với bị cáo T.

Về tình tiết giảm nhẹ: Thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát đối với bị cáo T thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt được quy định tại Điều 15, Điều 57 Bộ luật hình sự; bị cáo T là người chưa thành niên khi phạm tội (bị cáo mới 17

tuổi 03 tháng 06 ngày) suy nghĩ chưa chín chắn; bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực tác động gia đình bồi thường xong thiệt hại, bị hại có xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về trách nhiệm hình sự: Thống nhất đề nghị của Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo T. Đề nghị xử mức thấp nhất là 03 năm tù mà Viện Kiểm sát đề nghị.

Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Minh T3 trình bày quan điểm:

Về tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Đoàn Minh T3 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Thống nhất về điều luật áp dụng đối với bị cáo trí; thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát về các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo T3 (bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực tác động gia đình bồi thường xong thiệt hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo); bị cáo trí không có tình tiết tăng nặng; bị cáo chỉ dùng chân đá một cái vào người bị hại, dùng một đoạn gỗ ném về phía bị hại. Đề nghị xử phạt bị cáo T3 mức thấp nhất mà Viện Kiểm sát đề nghị.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hồng T4 trình bày quan điểm:

Về tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Nguyễn Hồng T4 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vai trò đối với bị cáo T4 là giúp sức không đáng kể; sự quan tâm của gia đình còn hạn chế; tuổi đời còn trẻ; suy nghĩ đơn giản, nghe rủ rê đi theo bị cáo K. Bị cáo T4 có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực tác động gia đình bồi thường xong thiệt hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đủ điều kiện áp dụng theo kheo khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử mức hình phạt thấp nhất mà Viện Kiểm sát đề nghị.

Người bị hại trình bày: Xin giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo. Bị cáo T, bị cáo T3, bị cáo T4 đã bồi thường xong cho bị hại, mỗi bị cáo đã bồi thường số tiền 41.731.565 đồng. Bị hại không yêu cầu gì khác đối với bị cáo T, bị cáo T3 và bị cáo T4.

Bị cáo K chỉ mới bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Bị hại tiếp tục yêu cầu bị cáo K bồi thường số tiền còn lại là 31.731.565 đồng.

Các bị cáo Võ Minh K, Phạm Khánh T, Đoàn Minh T3, Nguyễn Hồng T4 đều nói lời sau cùng: Các bị cáo xin lỗi bị hại và gia đình bị hại; các bị cáo đã nhận biết sai trái, rất ăn năn hối hận; các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định

của Bộ luật Tố tụng hình sự; thành phần Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và Luật sư bào chữa cho các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ kết quả điều tra, kết hợp tài liệu chứng cứ thu thập được và qua đối chất lời khai của các bị cáo có đủ căn cứ để xác định: Khoảng 23 giờ 45 phút ngày 06/8/2022, sau khi xảy ra mâu thuẫn dẫn đến xô xát với nhóm thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ), Phạm Khánh T rủ Võ Minh K cùng với Đoàn Minh T3 và Nguyễn Hồng T4 đi tìm nhóm thanh niên để đánh nhau thì tất cả đồng ý cùng đi. T thấy anh Phạm Minh T6 đang điều khiển xe trên Quốc lộ E với tốc độ cao, dù không có mâu thuẫn gì nhưng do nghi ngờ anh T6 là người trong nhóm thanh niên nên kêu K, T3, T4 cùng đuổi theo đến khu vực đèn xanh, đèn đỏ trước shop “Mẹ và B1” thuộc ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre, thấy anh T6 té ngã nên bị cáo T xông tới dùng tay đánh và dùng chân đá liên tục vào người anh T6 mặc dù anh T6 đã lên tiếng “không phải em” nghĩa là nhầm người; bị cáo K cầm 01 cây rựa là hung khí nguy hiểm chém liên tiếp 07 cái vào vùng đầu anh T6; bị cáo T3 nhặt một đoạn gỗ ném, dùng chân đạp vào người anh T6 01 cái; bị cáo T4 thì đứng nhìn, không ngăn cản, bỏ mặc cho hậu quả xảy ra. Hành vi của các bị cáo dẫn đến hậu quả làm anh T6 bị thương tích với tỷ lệ thương tật 20%.

[2.2] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án nhận thấy: Các bị cáo không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ từ trước, hành động bộc phát nhất thời, không có tính tổ chức, mang tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo T là người xúi giục, rủ rê các bị cáo khác đi đánh nhau và là người thực hành tích cực, có tham gia đánh bị hại nhưng không gây thương tích; bị cáo K là người rủ rê, rủ bị cáo T3 và T4 cùng đi và là người thực hành quyết liệt, người trực tiếp gây thương tích cho bị hại; bị cáo T3 đồng phạm với bị cáo K và T với vai trò giúp sức và thực hành, có tham gia đánh nhưng không gây thương tích cho bị hại; bị cáo T4 đồng phạm với bị cáo K, T và T3 với vai trò giúp sức, chở các bị cáo đi tìm bị hại đánh, bị cáo T4 không đánh, chỉ đứng nhìn xem, không ngăn cản.

[3] Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận Bản cáo trạng số: 41/CT-VKSBT-P1 ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố các bị cáo Võ Minh K, Phạm Khánh T, Đoàn Minh T3, Nguyễn Hồng T4 về “Tội giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung “Có tính chất côn đồ” là có căn cứ và đúng pháp luật, là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo:

[4.1] Hành vi phạm tội của các bị cáo Võ Minh K, Phạm Khánh T, Đoàn Minh T3, Nguyễn Hồng T4 là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo thể hiện

tính côn đồ, hung hãn, cố ý tước đoạt và coi thường tính mạng của người khác, gây hoang mang bất bình trong xã hội. Các bị cáo nhận thức rõ việc xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tính mạng của người khác là vi phạm pháp luật, giữa các bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn gì nhưng các bị cáo cố ý thực hiện hành vi tước đoạt mạng sống của bị hại một cách trái pháp luật nên được xem là phạm tội có tính chất côn đồ; việc bị hại T6 không chết là ngoài ý muốn của các bị cáo (do khi bị chém bị hại có đội mũ bảo hiểm); do hậu quả chết người chưa xảy ra nên thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt theo Điều 15 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc đối với các bị cáo, trong đó bị cáo K phải chịu trách nhiệm cao nhất, kể đến là bị cáo T và T3, thấp nhất là bị cáo T4; cách ly các bị cáo một thời gian nhất định, nhằm có thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật và răn đe phòng ngừa chung.

[4.2] Xét thấy, tại thời điểm phạm tội (ngày 06/8/2022), bị cáo T có độ tuổi 17 tuổi 03 tháng 06 ngày (chưa thành niên) nên được áp dụng Điều 101 Bộ luật Hình sự khi xem xét mức hình phạt đối với bị cáo T.

[5] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[5.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Võ Minh K được áp dụng tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại; bị hại có đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K (áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự).

Bị cáo Phạm Khánh T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường xong phần thiệt hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T; vào thời điểm phạm tội thì bị cáo T là người chưa thành niên (áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 101, Điều 102 Bộ luật hình sự).

Bị cáo Đoàn Minh T3 và bị cáo Nguyễn Hồng T4 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường xong phần thiệt hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T3 và bị cáo T4 (áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

Vì vậy, áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử dưới khung hình phạt đối với tất cả các bị cáo.

[6] Mặc dù các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng xét hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo có nhân thân xấu, không chấp hành tốt pháp luật, bị cáo K tuy không có tiền sự nhưng đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi đánh nhau; bị cáo T 02 lần bị xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng và có 01 tiền sự; bị cáo T3 không có tiền sự nhưng có 01 lần bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc; bị cáo T4 02 lần bị

xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc và sử dụng trái phép chất ma túy và có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt tù thật nghiêm khắc đối với các bị cáo, cụ thể: Xử phạt bị cáo K 08 năm tù và xử phạt bị cáo T 05 năm tù (cao hơn mức án mà Viện kiểm sát đề nghị); xử phạt bị cáo T3 06 năm 06 tháng tù và xử phạt bị cáo T4 05 năm 06 tháng tù (theo mức án mà Viện kiểm sát đề nghị) là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Theo đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Theo đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp nên được chấp nhận.

[9] Đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo về phân trách nhiệm hình sự là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Đề nghị về phân trách nhiệm dân sự là phù hợp.

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tại phiên tòa về mức hình phạt đối với bị cáo K và bị cáo T là nhẹ, chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử; đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo T3 và bị cáo T4 là phù hợp; Đề nghị về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[11] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[11.1] Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

[11.2] Về án phí sơ thẩm có giá ngạch: Bị cáo Võ Minh K phải nộp là 1.586.578 đồng = (31.731.565 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Võ Minh K, Phạm Khánh T, Đoàn Minh T3 và Nguyễn Hồng T4 phạm “Tội giết người”.

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, Điều 57, Điều 58, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Võ Minh K mức án 08 (T13) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 06/10/2022.

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, Điều 57, Điều 58, Điều 54, Điều 38, Điều 101, Điều 102 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Khánh T mức án 05 (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 29/3/2023.

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, Điều 57, Điều 58, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo

Đoàn Minh T3 mức án 06 (Sáu) năm 06 (s) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 29/3/2023.

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, Điều 57, Điều 58, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng T4 mức án 05 (Năm) năm 06 (s) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 29/3/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 584 Bộ luật dân sự.

2.1. Buộc bị cáo Võ Minh K tiếp tục bồi thường cho bị hại Phạm Minh T6 với số tiền 31.731.565 đồng (Ba mươi một triệu bảy trăm ba mươi một nghìn năm trăm sáu mươi lăm đồng).

2.2. Ghi nhận bị cáo Phạm Khánh T, bị cáo Đoàn Minh T3 và bị cáo Nguyễn Hồng T4 đã bồi thường xong cho bị hại Phạm Minh T6 (mỗi bị cáo đã bồi thường số tiền 41.731.565 đồng). Ghi nhận bị hại anh Phạm Minh T6 không yêu cầu gì khác đối với bị cáo T, bị cáo T3 và bị cáo T4.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

3.1. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) đoạn gỗ có chiều dài 39,5cm, đường kính 2,5cm, đoạn gỗ hình trụ tròn, một đầu đoạn gỗ bị gãy, trên đoạn gỗ có số 110, thu trong quá trình khám nghiệm hiện trường.

- 01 (một) hộp giấy niêm phong, trên hộp giấy có ghi chữ 01 (một) mũ bảo hiểm bên ngoài bằng nhựa màu đen, bề thành nhiều mảnh, trên mũ có vết màu nâu đỏ nghi máu đã khô, bên trong là miếng xốp lót màu trắng, bị đứt vỡ rời một phần với kích thước 20x08cm, thu trong quá trình khám nghiệm hiện trường.

- 01 (một) mũ bảo hiểm màu đen xám, nón có 3 khía hở dọc theo nón là trước ra sau màu đen - xám - trắng (dạng rần rì) do Phạm Hồng T9 giao nộp ngày 15/3/2023.

- 01 (một) áo thun tay ngắn màu đen, hai tay áo sọc carô màu vàng - trắng đen đỏ do Phạm Hồng T9 giao nộp ngày 15/3/2023.

- 01 (một) áo sơ mi tay ngắn bằng vải màu đỏ - đen, dạng sọc carô, trên ngực áo bên trái có hình thêu con ngựa màu vàng - đen và số 1856 màu vàng do Phạm Hồng T9 giao nộp ngày 15/3/2023.

- 01 quần jean ngắn màu xám đen, ống quần phía trước được thiết kế có nhiều chỗ rách, lưng quần phía trong có hiệu TS FASHION do Phạm Hồng T9 giao nộp ngày 15/3/2023.

- 01 (một) áo sơ mi tay dài bằng vải màu trắng, phía trước bên trái áo có 02 đường sọc màu đen chạy dọc từ vai áo đến tà áo, phía trong cổ áo có hiệu “TH-77 NEW FASHION”, do bà Nguyễn Thị Bé H giao nộp vào ngày 23/3/2023.

- 01 (một) quần dài bằng vải màu đen, phía sau quần có 02 túi quần có nút màu vàng nhạt, do bà Nguyễn Thị Bé H giao nộp vào ngày 23/3/2023.

- 01 (một) quần jean ngắn màu xám đen, lưng quần phía sau bên phải có may miếng vải kaki màu trắng có chữ do Đoàn Minh T3 giao nộp ngày 24/3/2023.

3.2. Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- 01 (một) xe gắn máy biển kiểm soát 71FK-5821, màu xanh, nhãn hiệu SAVANT, số loại C50, loại xe nữ, dung tích 49 cm, số máy FMB-70000489, số khung UM6XV-00489, không gương chiếu hậu, xe bị hư hỏng trầy xước nhiều chỗ, không có tài sản gì bên trong xe, xe tạm giữ của Phạm Khánh T. Tình trạng xe: xe ngưng hoạt động, không xác định được chất lượng bên trong xe.

- 01 (một) phong bì niêm phong, trên phong bì có ghi chữ 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO Y21, kiểu máy V2111, màu xanh dương, đã cũ, số seri 3437908328004XD, không có gắn sim, do bà Nguyễn Thị Bé H giao nộp vào ngày 16/12/2022.

- 01 (một) phong bì niêm phong, trên phong bì có ghi chữ 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO V2026, màu xanh kem, đã cũ, số IMEI SV: 24, trên máy có lắp sim số 0382.454.973, do Lê Minh T7 giao nộp vào ngày 22/12/2022.

- 01 (một) phong bì niêm phong, trên phong bì có ghi chữ 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG A21s, màu xanh, đã qua sử dụng, số kiểu máy: SM-A217F/DS, số seri: R58N53HCLNT, số IMEI khe 1: 351662611350085, số IMEI khe 2: 352465211350086, trên máy có lắp sim số 0924571993 và số 0563576570, do Đoàn Minh T3 giao nộp vào ngày 28/12/2022.

(Hiện nay các vật chứng trên do Cục thi hành án tỉnh Bến Tre quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/6/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre).

3.3. Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã trả xe gắn máy biển số 60FP-2060 cho ông Nguyễn Minh T10; trả xe mô tô biển số 71F7-8680 cho ông Phạm Văn T11.

3.4. Đối với xe mô tô biển số 63B8-6382 do Đoàn Minh T3 đã bán cho một người không xác định được địa chỉ không thu giữ được nên không xem xét.

4. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

4.1. Buộc các bị cáo Võ Minh K, Phạm Khánh T, Đoàn Minh T3 và Nguyễn Hồng T4 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4.2. Án phí sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bị cáo Võ Minh K phải nộp 1.586.578 đồng (Một triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi tám đồng).

5. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1b);
- Vụ GDKT I TANDTC (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre, bị cáo (2b);
- UBND xã Thạnh Trị, xã Bình Thới, xã Phú Vang, xã Phú Long, huyện Bình Đại (4b);
- Bị hại (1b); NCQLNVLQ (4b);
- Tòa Gia đình & NCTN, Phòng KTNV&THA, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre, hồ sơ vụ án (7b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt